

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31-8-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng

Ông Nguyễn Việt Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Hồng Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc K; sinh năm 1965; cư trú tại: Hoa Kỳ; tạm trú tại địa chỉ: đường L, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị Kim K; sinh năm 1967; nơi cư trú cuối cùng: Đường Ô, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Ngọc K, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Hồ Thị Kim K tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng, nay là phường T, thành phố Đà Nẵng, cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29-12-1989. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận và không có vướng mắc gì lớn. Tuy nhiên những năm sau đó thì quan hệ vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình và quan điểm sống không phù hợp; có những bất hòa không thể giải quyết được. Trong cuộc sống gia đình, giữa chúng tôi có sự khác biệt về lối sống và sinh hoạt; chúng tôi cũng thường xuyên cãi vã, gây gổ với nhau. Do mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng và không thể khắc phục được nên năm 2016, tôi đã sang sinh sống với con tại Mỹ; còn vợ tôi, bà K ở lại một mình tại Việt Nam. Cũng từ đó đến nay, vợ chồng chúng tôi không còn liên lạc gì với nhau, mỗi người sống một nơi, ai muốn sống ra sao thì sống. Đến cuối năm 2019, tôi về Việt Nam và nộp đơn xin ly hôn và được Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết. Sau đó, do không thể ở Việt Nam quá lâu nên tôi phải trở về Mỹ. Hơn nữa, do tình hình dịch bệnh quá phức tạp nên tôi không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy, ngày 21-9-2020, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án ly hôn của tôi. Nay xét thấy cuộc sống gia đình đã trở nên quá trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi tiếp tục làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét chấp thuận cho tôi được ly hôn với bà K.

- Về con: Tôi và bà K có 02 con chung là Trần Ngọc Khôi, sinh ngày 18-6-1990 và Trần Hồ Kiều Khuyên, sinh ngày 11-01-2001. Đối với 02 con chung hiện tại đã thành niên nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và bà K không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn bà Hồ Thị Kim K không gửi văn bản trình bày cho Tòa án và không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Trần Ngọc K, hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ và bị đơn bà Hồ Thị Kim K là công dân Việt Nam, có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng tại Đường Ô, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án thì Tòa án tiến hành cấp tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Hồ Thị Kim K theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, tuy nhiên việc cấp tổng đạt đã không thực hiện được do bà K không còn ở tại đây. Theo cung cấp của Công an phường T thì bà K có hộ khẩu và cư trú tại địa chỉ Đường Ô, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; tuy nhiên, hiện tại bà K không còn ở tại đây và đi đâu, thời gian nào thì chính quyền địa phương không nắm rõ; riêng về căn nhà này của bà K hiện không có ai sinh sống.

Căn cứ quy định tại Điều 170 và Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, để thông tin cho bà Hồ Thị Kim K biết về việc Tòa án đang thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của ông K đối với bà K và yêu cầu bà K liên hệ với Tòa án để giải quyết vụ án; đồng thời, Tòa án cũng thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; cũng như thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa.

Tuy nhiên, sau đó bà K vẫn không gửi văn bản cho Tòa án và không đến Tòa để tham gia tố tụng, nên Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Đối với nguyên đơn ông Trần Ngọc K có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt vì lý do phải trở về Hoa Kỳ, nên Tòa án mở phiên tòa để xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Thị Kim K của ông Trần Ngọc K thì thấy, trong quá trình chung sống thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên đã tự sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay mà không còn quan tâm đến nhau. Do đó hôn nhân của ông bà là không còn tồn tại trên thực tế, mục đích của hôn nhân

không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu xin ly hôn của ông K đối với bà K là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: 02 con của ông K và bà K đã thành niên nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông K không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ông K phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, Điều 40, Điều 147 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Ngọc K đối với bà Hồ Thị Kim K.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Ngọc K được ly hôn với bà Hồ Thị Kim K.

2. Về án phí: Ông Trần Ngọc K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004922 ngày 12-4-2022, của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; ông K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn ông Trần Ngọc K không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật; bị đơn bà Hồ Thị Kim K không có mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Hà Nam